

Bản án số: 41/2021/HS-ST
Ngày 22/7/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hà
Ông Lê Nam Văn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Lê Văn L**; sinh năm 1971 tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Trương Thị C; vợ: Nguyễn Thị P và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/4/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương Thanh V, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH I, Thanh Hóa.

Trụ sở: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông AHN JIN M – Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Nơi cư trú và làm việc: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn A, sinh năm 1979. (Theo giấy ủy quyền ngày 05/7/2021). Có đơn xét xử vắng mặt.

Chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH I, Thanh Hóa.

Địa chỉ: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: 1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1961. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn G, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Anh Trịnh Anh T, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chị Trần Thị T, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn L là nhân viên Công ty với nhiệm vụ dọn vệ sinh và thu gom rác thải tại Công ty TNHH I. Trong quá trình làm việc L thấy có chỉ may tồn được cất, bảo quản tại khu vực hành lang sân nhà kho nên đã nảy sinh ý định trộm cắp mang ra ngoài bán lấy tiền. Khoảng 16 giờ ngày 03/02/2021, Lê Văn L một mình kéo xe chở rác từ kho chứa rác vào kho hàng của Công ty. Lúc này, L định nhấc thùng chỉ may để lên xe kéo thì nhìn thấy có bảo vệ của Công ty I đang đứng ở trước Xưởng 3 nên L không dám lấy chỉ mà kéo xe ra đến trước Xưởng 1, cùng lúc đó chị Đỗ Thị T (là người quản lý chỉ may của Xưởng 2) tiếp tục đưa chỉ may xuống nhà kho để bảo quản. Thấy vậy, L giả vờ bỏ các thanh gỗ lên xe kéo rồi đi về phía kho rác để tránh sự chú ý của công nhân. Sau khi chị T cất xong chỉ vào trong kho đi ra thì Lê Văn L kéo xe vào trước cửa kho bốc 09 thùng chỉ may (cả thùng nguyên vẹn và cả thùng đã bóc dỡ) xếp lên xe rồi kéo về kho rác. Tại đây, L xếp 09 thùng chỉ vào khu vực bên trong kho rồi kéo bì rác thải ở bên ngoài, phủ lên trên để che giấu. L tiếp tục kéo xe lại kho chứa chỉ may bốc 08 thùng chỉ may để ở hành lang kho lên xe rồi kéo số chỉ này về kho rác và bốc vào bên trong kho rác thải cất giấu tại vị trí lúc trước, đồng thời kéo các bì rác thải ngoài cửa kho vào phủ lên trên để che giấu. Sau đó, L kéo xe đi thu gom một chuyến rác thải tại các cửa Xưởng may của Công ty đưa về kho rác. Xong việc, L tiếp tục kéo xe đến hành lang kho hàng của Công ty lấy tiếp 07 thùng chỉ may đưa lên xe kéo về kho rác cất giấu để hôm sau phân loại và tìm nơi tiêu thụ rồi L đi về nhà mình.

Đến khoảng 10 giờ ngày 04/02/2021, chị T xuống kho lấy chỉ lên Xưởng may thì phát hiện bị mất chỉ với số lượng lớn nên đã báo với anh Hoàng Văn A (là nhân viên an ninh của Công ty I). Sau đó, anh A và anh Trịnh Anh T là tổ trưởng tổ bảo vệ của Công ty I xuống kiểm tra thì phát hiện 24 thùng giấy cát tông bên trong có chứa chỉ may gồm nhiều màu, nhiều loại chỉ khác nhau với tổng số lượng là 941 cuộn chỉ may, trong đó: Loại chỉ 60S/3-5000M là 340 cuộn; loại 40S/2-5000M là 102 cuộn; loại 100S/2-5000M là 487 cuộn; loại chỉ chun là 12 cuộn được cất giấu trong kho chứa rác thải của Công ty do Lê Văn L phụ trách. Anh A và anh T đã trích xuất Camera an ninh của Công ty I, phát hiện Lê Văn L là người lấy số chỉ này từ kho chứa hàng mang xuống nhà kho chứa rác thải cất giấu nên đến 13 giờ cùng ngày, khi L vào Công ty I để làm việc thì bị anh A và anh T mời vào phòng bảo vệ làm việc. Lúc này, Lê Văn L không thừa nhận việc trộm cắp chỉ may nên anh A đã báo cáo Ban lãnh đạo Công ty, đồng thời báo cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H làm rõ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản kết luận số 06/KL-HĐĐGHS ngày 19/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện H kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt số tài sản trên có tổng giá trị là 25.455.288đ (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm tám tám đồng*).

Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty I 01 xe kéo và 941 cuộn chỉ may nói trên, Công ty I đã nhận lại đủ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Văn L.

Cáo trạng số 43/CT-VKSHL ngày 15/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về bồi thường: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương.

Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với quan điểm của đại diện viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Văn L về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do khi phạm tội gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, tài sản bị cáo trộm cắp chưa tiêu thụ đã thu hồi trả lại cho bị hại, Công ty có đơn đề nghị đề nghị xem xét giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i,s,p khoản 1,2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt tù cho hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và đề nghị miễn án phí hình sự cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra, đủ cơ sở kết luận: Lê Văn L là nhân viên dọn vệ sinh và thu gom rác thải tại Công ty TNHH I. Trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH I, Lê Văn L thấy có chỉ may tồn được cất, bảo quản tại khu vực hành lang sân nhà kho nên khoảng 16 giờ ngày 03/02/2021, Lê Văn L một mình kéo xe chở rác đến kho bốc tổng số 24 thùng chỉ may xếp lên xe rồi kéo về kho rác cất giấu để hôm sau phân loại và tìm nơi tiêu thụ.

Đến khoảng 10 giờ ngày 04/02/2021 nhân viên Công ty TNHH I lấy chỉ lên Xưởng may thì phát hiện bị mất chỉ với số lượng lớn, kiểm tra phát hiện số tài sản bị mất được cất giấu trong kho chứa rác thải của Công ty do Lê Văn L phụ trách trị giá 25.455.288đ (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm tám tám đồng*).

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH I, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công ty nước ngoài đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn thị trấn Hậu Lộc, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Lê văn L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án thì thấy: Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, nhưng đã ảnh hưởng không tốt đến sự đánh giá của Công ty nước ngoài đối với người Việt Nam trong quá trình đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Công ty TNHH I được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy cần lên cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp với hành vi của bị cáo.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bản thân bị cáo đang được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo giáo dục tại địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đang được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng, nghề nghiệp không có nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH I đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí: Buộc bị cáo Lê Văn L chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm .

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện H.
- Cơ quan điều tra Công an huyện H.
- Cơ quan THA hình sự huyện Hc.
- Chi cục THA dân sự huyện H.
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Nga